

PHẦN LỊCH SỬ (4,5 điểm)

Phần I (2,5 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án đúng.

Câu 1. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu ngày đêm?

- A. 55 ngày đêm.
- B. 56 ngày đêm.
- C. 60 ngày đêm.
- D. 66 ngày đêm.

Câu 2. Mĩ can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945 – 1954) vì nguyên nhân gì?

- A. Muốn giúp Pháp hoàn thành xâm lược Đông Dương.
- B. Cả Pháp và Mĩ cùng trong phe tư bản chủ nghĩa.
- C. Muốn từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
- D. Muốn thúc đẩy tự do dân chủ ở khu vực Đông Dương.

Câu 3. Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” của quân dân miền Nam Việt Nam?

- A. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- B. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- C. Làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.
- D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

Câu 4. Thủ đoạn đóng vai trò “xương sống” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ là:

- A. tăng cường viện trợ quân sự, cố vấn quân sự, quân đội Sài Gòn.
- B. thực hiện chiến thuật mới “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- C. dồn dân lập “Ấp chiến lược”.
- D. lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam.

Câu 5. Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” của quân dân miền Nam Việt Nam?

- A. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- B. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
- C. Làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.
- D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

Câu 6. Thủ đoạn đóng vai trò “xương sống” trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ là:

- A. tăng cường viện trợ quân sự, cố vấn quân sự, quân đội Sài Gòn.
- B. thực hiện chiến thuật mới “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- C. dồn dân lập “Ấp chiến lược”.
- D. lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam.

Câu 7. Cuộc tập kích không quân chiến lược trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc Việt Nam diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ 12 - 8 - 1972 đến 29 - 12 - 1972.
- B. Từ 18 - 12 - 1972 đến 29 - 12 - 1972.
- C. Từ 8 - 12 - 1972 đến 20 - 12 - 1972.
- D. Từ 8 - 12 - 1972 đến 20 - 12 - 1972.

Câu 8.Điểm giống nhau cơ bản của ba chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?

- A. Loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ.
- B. Tiến hành bằng quân đội đồng minh của Mỹ.
- C. Tiến hành bằng quân đội Mỹ.
- D. Mỹ đưa quân đội đến tham chiến trực tiếp.

Câu 9.Vì sao sau khi trật tự hai cực Ianta bị sụp đổ, Mỹ không thể thiết lập trật tự thế giới một cực?

- A. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố.
- B. Hệ thống thuộc địa kiểu mới của Mỹ bị sụp đổ.
- C. Sự vươn lên mạnh mẽ của các cường quốc.
- D. Bị Nhật Bản vượt qua trong lĩnh vực tài chính.

Câu 10. Việt Nam có thể rút ra kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

- A. Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.
- B. Ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật.
- C. Tăng cường xuất khẩu công nghệ phần mềm.
- D. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

Phần II (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh chọn đáp án đúng hoặc sai đối với các ý a, b, c, d ở mỗi câu.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Với sự ra đời của “chủ nghĩa Tơ-ru-man”, mối quan hệ đồng minh giữa Liên Xô với Mỹ và các nước phương Tây trong thời kì chiến tranh chống phát xít đã tan vỡ và thay vào đó là cuộc “Chiến tranh lạnh”.

(Nguyễn Anh Thái (chủ biên),

Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.235).

- a. Đoạn tư liệu phản ánh nguyên nhân bùng nổ cuộc Chiến tranh lạnh.
- b. Một trong những nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh bùng nổ là lời tuyên bố của Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man.
- c. Quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai mang tính bền chặt, vì lợi ích chung của nhân loại.
- d. Sự bất đồng trong quan hệ đồng minh của Mỹ và Liên Xô là nguyên nhân duy nhất dẫn đến bùng nổ cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là bước nhảy vọt về chất của cách mạng Việt Nam. Đó là một trong những trang vàng chói lọi trong lịch sử của dân tộc ta, một dấu mốc lớn trên con đường phát triển trong suốt chiều dài mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Thời gian đã lùi xa, đến nay đã là 76 năm (19/8/1945-19/8/2021), nhưng tầm vóc ý nghĩa thắng lợi, bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng tỏa sáng. Nhân dịp kỷ niệm 76 năm Cách mạng Tháng Tám (19/8/1945-19/8/2021) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2021)”

(Nguồn: Trang Thông tin điện tử trân trọng giới thiệu bài viết của Đại tá, PGS. TS Hà Trọng Thà, P. Trưởng phòng Chính trị cùng bạn đọc).

Từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào để giải quyết vấn đề biển đảo hiện nay?

- Tranh thủ sự ủng hộ của các nước bé.
- Tập hợp các lực lượng yêu nước trong Mặt trận dân tộc thống nhất.
- Dự đoán và nắm bắt chính xác thời cơ để giảng hòa.
- Tăng cường quan hệ ngoại giao giữa các nước trong khu vực.

PHẦN ĐỊA LÝ (4,5 điểm)

Phần I (2,5 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ lựa chọn một phương án đúng.

Câu 1. Chức năng chủ yếu của quần cư nông thôn là

- hành chính, văn hoá.
- khoa học - công nghệ.
- đầu mối giao thông.
- kinh tế, môi trường.

Câu 2. Trong khu vực Đông Nam Á, dân số nước ta đứng thứ 3 sau quốc gia nào dưới đây?

- Thái Lan và In-đô-nê-xi-a.
- Mi-an-ma và Lào.
- In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin.
- Mi-an-ma và Phi-lip-pin.

Câu 3. Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp nước ta đa dạng chủ yếu là do

- Sự mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
- Sự phân hóa của khí hậu, địa hình, đất đai.
- Áp dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ.
- Nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm.

Câu 4. Nhân tố quan trọng nào làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lý các ngành công nghiệp?

- Thị trường
- Chính sách
- Tiến bộ khoa học - kỹ thuật
- Dân cư và lao động

Câu 5. Vùng Trung du và miền núi Bắc bộ có nguồn thủy năng lớn do

- Có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- Đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.
- Địa hình dốc và có nhiều sông lớn.
- Địa hình dốc, nhiều thác ghềnh, nhiều phù sa.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GRDP (GIÁ HIỆN HÀNH) CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

(Đơn vị: %)

Cơ cấu GRDP	Năm	2010	2015	2021
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản		26,5	22,6	19,1
Công nghiệp và xây dựng		28,0	34,5	41,4
Dịch vụ		39,9	37,5	34,5
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		5,6	5,4	5,0

(Nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh năm 2011, 2016, 2022)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét **không** đúng về cơ cấu GRDP của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2010 -2021?

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng giảm dần qua các năm.
- Công nghiệp và xây dựng có tỷ trọng giảm đi đáng kể qua các năm.
- Tỉ trọng ngành dịch vụ xu hướng giảm nhẹ.

D. Tỉ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và dịch vụ giảm dần, tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tăng nhanh.

Câu 7. Tỉnh của Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với Trung Quốc là

- A. Bắc Ninh. B. Vĩnh Phúc.
C. Quảng Ninh. D. Thái Bình.

Câu 8. Việc phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Đảm bảo sự phát triển bền vững. B. Phát huy các thế mạnh về tự nhiên.
C. Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch kinh tế. D. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

Câu 9. Khó khăn lớn nhất của tài nguyên đất ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn. B. diện tích đất trồng, đồi núi trọc nhiều.
C. vùng đồng bằng độ dốc lớn. D. quỹ đất nông nghiệp hạn chế.

Câu 10. Mục đích chủ yếu của việc đặt vấn đề phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao mặt bằng dân trí và phát triển đô thị là

- A. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp hiện đại đòi hỏi trình độ kĩ thuật cao.
B. Mở rộng thị trường tiêu thụ, đặc biệt đối với các mặt hàng tiêu dùng cao cấp.
C. Phát huy thế mạnh tự nhiên và lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống dân cư.
D. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, hạn chế thiên tai.

Phần II (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh chọn đáp án đúng hoặc sai đối với mỗi ý a,b,c,d ở mỗi câu.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ
CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2020
(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2005	2010	2015	2020
Cây công nghiệp hằng năm	861,5	797,6	676,8	457,8
Cây công nghiệp lâu năm	1633,6	2010,5	2154,5	2185,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

- a. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng liên tục.
b. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích đất trồng cây công nghiệp là biểu đồ hình cột.
c. Năm 2020 diện tích cây công nghiệp hằng năm chiếm 20,9% diện tích cây công nghiệp.
d. Năm 2010, diện tích cây công nghiệp lâu năm gấp hơn 2,5 lần diện tích cây công nghiệp hằng năm.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có một số loại khoáng sản quan trọng như than đá với trữ lượng chiếm 98% trữ lượng than đá cả nước, than nâu, đá vôi làm xi măng với trữ lượng hơn 20%, cao lanh với trữ lượng khoảng 40%. Ngoài ra vùng có lợi thế về các địa điểm du lịch nổi tiếng trong nước và quốc tế như quần thể vịnh Hạ Long – quần đảo Cát Bà đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, các bãi biển, danh thắng là những tài nguyên quan trọng của vùng. Việc khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản cũng như lợi thế về du lịch tạo tiền đề để cho phát triển kinh tế của vùng và của cả nước từ đó kéo theo hàng loạt về ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển theo.

(Theo Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011 – 2017, NXB Thống kê)

- a. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có thể mạnh khai thác khoáng sản nhờ có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng.
- b. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có điều kiện phát triển du lịch sinh thái.
- c. Sự phát triển của các du lịch, khai thác khoáng sản thúc đẩy ngành công nghiệp và dịch vụ của vùng kinh tế Bắc Bộ phát triển.
- d. Ngành công nghiệp nổi trội nhất của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là công nghiệp luyện kim.

PHẦN CHỦ ĐỀ CHUNG (1,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng được thể hiện rõ nhất bắt đầu từ

- A. đầu thế kỉ XV đến cuối thế kỉ XIX.
- B. thế kỉ XVIII.
- C. khoảng thế kỉ XX.
- D. thế kỉ XVIII đến nay.

Câu 2. Đô thị bao gồm:

- A. bản, làng, thôn, ấp.
- B. làng, thị trấn, ấp.
- C. thôn, xóm, thị xã, thành phố.
- D. thành phố, thị xã, phường, thị trấn.

Câu 3. Theo Kịch bản biến đổi khí hậu Việt Nam của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2020, nếu nhiệt độ tăng dẫn tới hậu quả gì?

- A. Thời gian khô hạn kéo dài từ 5 - 9 tháng.
- B. Miền Bắc chỉ có hai mùa là mùa khô và mùa mưa.
- C. Vụ đông ở miền Bắc bị rút ngắn lại, thậm chí không có vụ đông.
- D. Khả năng ngập lụt giảm.

Câu 4. Vì sao việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta ở ngư trường quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng?

- A. Mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên sinh vật ven bờ.
- B. Khẳng định chủ quyền của nước ta đối với hai quần đảo, vùng biển và thềm lục địa xung quanh.
- C. Tăng sản lượng đánh bắt, nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế địa phương.
- D. Giải quyết việc làm và tăng thêm thu nhập cho người lao động.

PHẦN LỊCH SỬ (4,5 điểm)

Phần I (2,5 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	6	C
2	C	7	B
3	C	8	A
4	C	9	C
5	C	10	B

Phần II (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Điểm tối đa của 1 câu hỏi là 1,0 điểm

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,75 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	2	a	S
	b	Đ		b	Đ
	c	S		c	S
	d	S		d	Đ

PHẦN ĐỊA LÝ (4,5 điểm)

Phần I (2,5 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	6	B
2	C	7	C
3	B	8	C
4	C	9	D
5	C	10	C

Phần II (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Điểm tối đa của 1 câu hỏi là 1,0 điểm

- Thí sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,75 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	2	a	S
	b	S		b	Đ
	c	S		c	Đ
	d	Đ		d	S

PHẦN CHỦ ĐỀ CHUNG (1,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	2	D	3	B	4	B